

**CHỦ TỊCH NƯỚC**

Chương I

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**LỆNH của Chủ tịch nước số 45-L/CTN ngày 22-1-1996 công bố Pháp lệnh về Dân quân tự vệ.**

**CHỦ TỊCH NƯỚC  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;*

*Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội,*

**NAY CÔNG BỐ:**

Pháp lệnh về Dân quân tự vệ đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 9 tháng 1 năm 1996.

Chủ tịch  
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
**LÊ ĐỨC ANH**

**PHÁP LỆNH về Dân quân tự vệ.**

*Để xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, góp phần củng cố và tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;*

*Để tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước, nâng cao trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ;*

*Căn cứ vào Điều 46 và Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;*

*Căn cứ vào các Nghị quyết của Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 6 và kỳ họp thứ 8 về chương trình xây dựng pháp luật;*

*Pháp lệnh này quy định về dân quân tự vệ.*

*Điều 1.- Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng, không thoát ly sản xuất, công tác, là một bộ phận của lực lượng vũ trang nhân dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý, điều hành của Chính phủ và của Ủy ban Nhân dân, sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của cơ quan quân sự các cấp; là một trong những công cụ chủ yếu để bảo vệ Đảng, bảo vệ Chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước ở cơ sở.*

*Lực lượng này được tổ chức ở xã, phường, thị trấn gọi là dân quân; được tổ chức ở các cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội gọi là tự vệ.*

*Điều 2.- Công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, thành phần xã hội, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, nam từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi, đủ sức khỏe, có nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ.*

*Điều 3.- Công dân trong độ tuổi quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này, hàng năm phải được đăng ký quản lý và tuyển chọn vào dân quân tự vệ. Việc đăng ký, tuyển chọn do Chính phủ quy định.*

*Điều 4.- Thời gian tham gia dân quân tự vệ là 4 năm; đối với tự vệ thì căn cứ vào yêu cầu của cơ sở, thời gian tham gia có thể kéo dài đến hết độ tuổi quy định tại Điều 2 của Pháp lệnh này.*

*Khi hết thời hạn phục vụ, công dân tham gia dân quân tự vệ đã hoàn thành nhiệm vụ được cấp giấy chứng nhận và được chuyển sang đăng ký tại cơ sở để quản lý và sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có nhu cầu.*

*Điều 5.- Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ.*

*Điều 6.-*

1. Các xã, phường, thị trấn, cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội phải tổ chức lực lượng dân quân tự vệ để bảo vệ địa phương, cơ sở.

2. Việc tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác do Chính phủ quy định.

**Điều 7.-** Lực lượng dân quân tự vệ có các nhiệm vụ:

1. Sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tiêu diệt, tiêu hao lực lượng địch, làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc, bảo vệ địa phương, cơ sở;

2. Phối hợp với công an, Bộ đội Biên phòng, bộ đội thường trực và các đoàn thể nhân dân giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo vệ các công trình quốc phòng, các kho vũ khí trang bị kỹ thuật, phát hiện và thu giữ các loại vũ khí trang bị quân sự tồn giữ bất hợp pháp ở địa phương; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện;

3. Bổ sung cho quân đội, phối hợp với quân đội chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phục vụ tiền tuyến;

4. Gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xung kích trong lao động sản xuất, bảo vệ sản xuất, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa và các sự cố nghiêm trọng khác.

**Điều 8.-** Cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ, quy định của Nhà nước và của Bộ Quốc phòng về dân quân tự vệ; khi làm nhiệm vụ phải mang phù hiệu dân quân tự vệ.

**Điều 9.-** Nghiêm cấm việc tổ chức, sử dụng lực lượng dân quân tự vệ trái với quy định của Pháp lệnh này.

## Chương II

### TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, TRANG BỊ, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

#### Mục I. TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, TRANG BỊ

**Điều 10.-** Tổ chức, biên chế, vũ khí trang bị của lực lượng dân quân tự vệ phải phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thời bình, thời chiến, đặc điểm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ sở.

#### Điều 11.-

1. Tổ chức lực lượng dân quân tự vệ bao gồm: lực lượng nòng cốt là lực lượng chiến đấu; lực lượng rộng rãi là lực lượng phục vụ chiến đấu, đồng thời là lực lượng chiến đấu khi cần thiết.

2. Quy mô, cơ cấu tổ chức lực lượng dân quân tự vệ ở từng địa phương, cơ sở do Chính phủ quy định.

**Điều 12.-** Không biên chế vào lực lượng dân quân tự vệ những quân nhân dự bị đã được sắp xếp vào các đơn vị dự bị động viên.

#### Điều 13.-

1. Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và các doanh nghiệp Nhà nước gồm có Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, có trách nhiệm làm tham mưu giúp Ủy ban Nhân dân, Giám đốc doanh nghiệp chỉ đạo về công tác quốc phòng, trực tiếp chỉ đạo, chỉ huy lực lượng dân quân tự vệ trong xây dựng và hoạt động.

2. Đối với xã, phường, thị trấn: Chỉ huy trưởng là thành viên Ủy ban Nhân dân phụ trách công tác quốc phòng; Chính trị viên là cán bộ kiêm nhiệm; Phó Chỉ huy trưởng là cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách do Chính phủ quy định.

Đối với doanh nghiệp Nhà nước, Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng do Giám đốc doanh nghiệp phân công người phụ trách và báo cáo danh sách cho cơ quan quân sự địa phương. Đối với doanh nghiệp có nhiều đơn vị cơ sở trên nhiều địa bàn, ngoài Ban Chỉ huy quân sự phải bố trí thêm cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm giúp người chỉ huy về công tác tự vệ.

3. Đối với các cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội thì Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm chỉ đạo và phân công người phụ trách chỉ huy lực lượng tự vệ của cơ quan mình và báo cáo danh sách cho cơ quan quân sự địa phương.

**Điều 14.-** Vũ khí, trang bị của dân quân tự vệ từ bất cứ nguồn nào đều phải được đăng ký, quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật.

#### Mục II. GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ

**Điều 15.-** Hàng năm, cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ được học tập chính trị, huấn luyện quân sự

theo nội dung chương trình do Bộ Quốc phòng quy định. Thời gian học tập chính trị, huấn luyện quân sự được lập thành chỉ tiêu và đưa vào kế hoạch hàng năm của các địa phương, cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp.

**Điều 16.-**

1. Thời gian tập trung học tập chính trị, huấn luyện quân sự hàng năm cho cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ được quy định như sau:

Lực lượng tại chỗ từ 5 đến 7 ngày;

Lực lượng cơ động, binh chủng chiến đấu là 7 ngày;

Các phân đội làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu là 10 ngày;

Cán bộ chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn và cán bộ chuyên trách tự vệ các doanh nghiệp Nhà nước từ 10 đến 15 ngày;

Cán bộ chỉ huy lực lượng tự vệ ở các cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội là 5 ngày.

2. Khi có yêu cầu cần thiết hoặc khi có chiến tranh, thời gian huấn luyện cho các đối tượng nói trên có thể kéo dài hơn do Chính phủ quy định.

**Mục III. HOẠT ĐỘNG CHIẾN ĐẤU CỦA  
LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ**

**Điều 17.-** Hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý điều hành của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân, sự chỉ huy trực tiếp của Ban Chỉ huy quân sự cơ sở và của cơ quan quân sự cấp trên.

**Điều 18.-** Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội phải có kế hoạch tác chiến và phải được cơ quan quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trực tiếp phê chuẩn. Việc lập và phê chuẩn kế hoạch tác chiến của lực lượng tự vệ trong doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác do Bộ Quốc phòng quy định.

**Điều 19.-** Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp và Giám đốc doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội phải triển khai các kế hoạch bảo đảm huấn

luyện, chiến đấu của lực lượng dân quân tự vệ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống.

**Điều 20.-** Khi có lệnh của người chỉ huy quân sự có thẩm quyền điều động dân quân tự vệ làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân, Thủ trưởng cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, Giám đốc doanh nghiệp phải chấp hành nghiêm chỉnh.

**Điều 21.-** Ở những địa bàn trọng điểm biên giới, ven biển, hải đảo, nội địa có yêu cầu sẵn sàng chiến đấu cao, thì tổ chức lực lượng dân quân tự vệ luân phiên thường trực chiến đấu do Bộ Quốc phòng quy định.

**Chương III**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DÂN QUÂN TỰ VỆ**

**Điều 22.-** Nội dung quản lý Nhà nước về dân quân tự vệ bao gồm:

1. Tổ chức xây dựng và chỉ đạo hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ;

2. Ban hành và hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật về dân quân tự vệ;

3. Quy định các chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ;

4. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về dân quân tự vệ;

5. Sơ kết, tổng kết công tác dân quân tự vệ.

**Điều 23.-**

1. Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về dân quân tự vệ trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ quản lý Nhà nước về tổ chức, xây dựng, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các cấp, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội trong việc tổ chức, xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ.

Tư lệnh Quân khu giúp Bộ Quốc phòng trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác dân quân tự vệ của các

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý Nhà nước về tổ chức, xây dựng, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; theo dõi và đôn đốc các đơn vị cơ sở trong ngành mình xây dựng tự vệ theo kế hoạch của cơ quan quân sự địa phương; giải quyết những vấn đề có liên quan đến tổ chức, xây dựng và hoạt động của dân quân tự vệ.

**Điều 24.-** Ủy ban Nhân dân các cấp thực hiện quản lý Nhà nước về tổ chức, xây dựng, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ trong phạm vi địa phương mình, chỉ đạo các ngành và cơ quan quân sự cấp mình thực hiện những nhiệm vụ có liên quan đến việc tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động của dân quân tự vệ theo mệnh lệnh của cơ quan quân sự cấp trên; thực hiện các chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ.

Cơ quan quân sự địa phương phối hợp với các cơ quan hữu quan, giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp thực hiện quản lý Nhà nước về tổ chức, xây dựng, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ.

Người chỉ huy cơ quan quân sự cấp tỉnh, cấp huyện và cơ sở chịu trách nhiệm trước cơ quan quân sự cấp trên và chính quyền cấp mình về chỉ đạo, chỉ huy lực lượng dân quân tự vệ trong tổ chức, xây dựng và hoạt động.

**Điều 25.-** Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội ở các cấp có trách nhiệm giáo dục, động viên hội viên, đoàn viên của tổ chức mình tham gia lực lượng dân quân tự vệ và giám sát việc thực hiện quản lý Nhà nước về tổ chức, xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ theo quy định của Pháp lệnh này.

#### Chương IV

### CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ

#### Điều 26.-

1. Phó Chỉ huy trưởng chuyên trách, Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn hàng tháng được hưởng một khoản phụ cấp bằng mức phụ cấp của các chức danh chuyên môn và chức danh

khác thuộc Ủy ban Nhân dân. Phó Chỉ huy trưởng bán chuyên trách được hưởng một khoản phụ cấp bằng một nửa mức phụ cấp của Phó Chỉ huy trưởng chuyên trách.

2. Cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ trong thời gian tham gia lực lượng dân quân tự vệ được hoãn nghĩa vụ lao động công ích hàng năm.

3. Cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ trong thời gian làm nhiệm vụ huấn luyện quân sự, thường trực sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa và các sự cố nghiêm trọng khác được hưởng các chế độ như sau:

a) Dân quân được hưởng một khoản tiền tương đương giá trị ngày công lao động ở từng địa phương; tự vệ được hưởng nguyên lương và các phụ cấp khác (nếu có);

b) Trường hợp bị tai nạn, ốm đau hoặc bị chết thì được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội như đối với công nhân viên chức Nhà nước. Đối với tự vệ do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm; đối với dân quân do ngân sách địa phương bảo đảm;

c) Khi bị thương, hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước và nhân dân thì bản thân và gia đình được hưởng các chế độ chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật.

4. Cán bộ chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn khi đi huấn luyện tại trường quân sự tỉnh, thì gia đình được trợ cấp, cứ mỗi ngày bằng hệ số 0,1 mức lương hàng tháng tối thiểu.

#### Điều 27.-

1. Kinh phí hàng năm cho việc xây dựng, hoạt động của dân quân được đảm bảo từ các nguồn sau đây:

a) Ngân sách Nhà nước chi cho ngân sách quốc phòng địa phương;

b) Ngân sách địa phương, bao gồm cả ngân sách xã, phường, thị trấn.

2. Kinh phí hàng năm cho việc xây dựng, hoạt động của tự vệ ở các cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội do ngân sách Nhà nước bảo đảm.

3. Kinh phí cho việc xây dựng, hoạt động của lực lượng tự vệ ở các doanh nghiệp, do doanh nghiệp bảo đảm và được tính vào chi phí quản lý sản xuất.

**Điều 28.-** Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân phối hợp với Mặt trận Tổ quốc cùng cấp, động viên các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và nhân dân đóng góp theo khả năng và hình thức thích hợp để lập quỹ quốc phòng, an ninh ở địa phương. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng quỹ này.

Các cơ quan Nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp động viên cán bộ công nhân viên chức đóng góp quỹ để hỗ trợ cho việc xây dựng và hoạt động của lực lượng tự vệ thuộc đơn vị mình.

#### Chương V

### KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

**Điều 29.-** Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc tổ chức, xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

**Điều 30.-** Người có hành vi trốn tránh, cản trở, chống đối việc tổ chức, xây dựng, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 31.-** Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn tổ chức hoặc sử dụng lực lượng dân quân tự vệ trái với Pháp lệnh này, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

#### Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 32.-** Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày công bố. Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

**Điều 33.-** Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

**NÔNG ĐỨC MẠNH**

## CHÍNH PHỦ

### NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 96-CP ngày 27-12-1995 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế doanh thu và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu.

#### CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thuế doanh thu đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 5 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế doanh thu đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

#### NGHỊ ĐỊNH:

#### Chương I

### PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ DOANH THU

**Điều 1.-** Đối tượng nộp thuế doanh thu theo quy định tại Điều 1, Điều 8 của Luật Thuế doanh thu bao gồm các tổ chức, cá nhân kinh doanh (gọi chung là cơ sở kinh doanh), thuộc mọi ngành nghề, thành phần kinh tế, không phân biệt hình thức kinh doanh, có cơ sở kinh doanh ở Việt Nam hay ở nước ngoài, có doanh thu phát sinh ở Việt Nam đều phải nộp thuế doanh thu.

**Điều 2.-** Những hoạt động sau đây không thuộc diện chịu thuế doanh thu:

1. Sản xuất nông nghiệp thuộc diện chịu thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Không thu thuế doanh thu đối với sản phẩm nông nghiệp do cơ sở sản xuất nông nghiệp bán ra chưa qua chế biến, hoặc chỉ sơ chế như: phân loại, bỏ vỏ, phơi, sấy khô (trừ cao su).